

TCTY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP XI MĂNG
VICEM HOÀNG MAI

Số: **071903**/XMHM-TCKT

V/v: Công bố thông tin báo cáo tài
chính Quý II năm 2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hoàng Mai, ngày **19** tháng **7** năm 2017

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Công ty: Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai
2. Mã chứng khoán: HOM
3. Địa chỉ trụ sở chính: Khối 7, Phường Quỳnh Thiện, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An
4. Điện thoại: (02383) 866 170 Fax: (02383) 866 648
5. Người thực hiện công bố thông tin: Bà Đậu Thị Nga – Kế toán trưởng
6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính Quý II năm 2017 của Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai được lập ngày 18/07/2017 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.

6.2 Nội dung giải trình (chênh lệch trên 10% LNST so với cùng kỳ năm 2016)



**GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ II NĂM 2017
SO VỚI QUÝ II NĂM 2016**

A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT QUÝ II NĂM 2017

Của Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai được lập ngày 18 tháng 07 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B 01a - DN
Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		715.261.354.210	570.280.760.700
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	20.084.159.077	97.378.206.645
1.	Tiền	111		20.084.159.077	64.378.206.645
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	33.000.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	71.000.000.000
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	71.000.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		419.213.804.422	193.860.051.030
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	412.249.041.166	185.077.025.879
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.240.447.004	11.046.100.824
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	6	3.850.279.043	2.871.770.219
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	7	(5.125.962.791)	(5.134.845.892)
IV.	Hàng tồn kho	140	8	251.740.683.283	201.807.468.221
1.	Hàng tồn kho	141		253.066.750.306	203.133.535.244
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1.326.067.023)	(1.326.067.023)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		24.222.707.428	6.235.034.804
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	23.094.587.806	3.222.270.775
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152	10	1.128.119.622	3.012.764.029
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	-	-
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.218.293.949.153	1.184.005.838.646
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		1.061.401.801	974.383.235
6.	Phải thu dài hạn khác	216		1.061.401.801	974.383.235
II.	Tài sản cố định	220		910.565.378.456	969.016.336.613
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	11	909.751.252.506	968.047.061.042
	- Nguyên giá	222		2.840.251.049.665	2.835.179.808.140
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.930.499.797.159)	(1.867.132.747.098)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	12	814.125.950	969.275.571
	- Nguyên giá	228		2.168.923.370	2.168.923.370
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.354.797.420)	(1.199.647.799)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		133.893.455.125	39.592.835.321
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	133.893.455.125	39.592.835.321
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		172.773.713.771	174.422.283.477
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	9	44.745.173.992	46.393.743.698
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	8	128.028.539.779	128.028.539.779
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)		270		1.933.555.303.363	1.754.286.599.346

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B 01a - DN

Đơn vị tính: VND

C -	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.013.531.166.615	793.078.384.568
I.	Nợ ngắn hạn	310		979.845.892.133	759.440.420.840
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	308.325.847.970	200.859.218.327
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		244.055.480	8.605.999.285
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	40.413.971.324	23.302.550.120
4.	Phải trả người lao động	314		16.991.496.674	39.341.839.410
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	37.755.605.156	14.740.770.953
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	16	50.920.898.067	22.464.252.696
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	484.648.207.748	441.366.293.736
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	21.808.354.066	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		18.737.455.648	8.759.496.313
II.	Nợ dài hạn	330		33.685.274.482	33.637.963.728
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	2.104.039.464	4.183.617.870
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	20	30.825.405.051	28.785.534.457
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	755.829.967	668.811.401
D -	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		920.024.136.748	961.208.214.778
I.	Vốn chủ sở hữu	410	19	920.024.136.748	961.208.214.778
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		720.000.000.000	720.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		720.000.000.000	720.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		19.138.086.811	19.138.086.811
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		(28.199.462.462)	(28.199.462.462)
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		208.210.192.057	196.822.894.943
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		875.320.342	53.446.695.486
	- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		132.958.372	1.274.681.333
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		742.361.970	52.172.014.153
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)		440		1.933.555.303.363	1.754.286.599.346

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04 đến ngày 30/06/2017

	CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý 2 Năm 2017	Quý 2 Năm 2016	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	381.050.437.189	474.064.920.419	686.388.409.588	877.847.881.078
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3.	Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV (10= 01-02)	10		381.050.437.189	474.064.920.419	686.388.409.588	877.847.881.078
4.	Giá vốn hàng bán	11	21	335.020.207.323	413.423.835.275	595.735.317.466	743.535.830.946
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV (20=10 - 11)	20		46.030.229.866	60.641.085.144	90.653.092.122	134.312.050.132
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	12.154.311	29.745.571	824.101.357	1.323.080.550
7.	Chi phí tài chính	22	23	6.172.983.524	6.213.846.730	12.237.333.663	14.033.647.435
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.121.877.500	6.185.521.904	12.122.008.031	14.005.322.609
8.	Chi phí bán hàng	25		17.317.703.306	23.615.844.403	36.764.662.948	44.177.744.056
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		21.126.881.597	20.772.022.111	39.532.748.383	46.651.935.775
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		1.424.815.750	10.069.117.471	2.942.448.485	30.771.803.416
11.	Thu nhập khác	31	24	310.720.395	1.089.794.436	490.677.902	453.492.064
12.	Chi phí khác	32	25	261.937.199	20.368.573	261.937.199	20.368.573
13.	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		48.783.196	1.069.425.863	228.740.703	433.123.491
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.473.598.946	11.138.543.334	3.171.189.188	31.204.926.907
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	58.777.434	652.426.826	388.956.624	2.162.867.159
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	26	1.025.294.179	1.011.368.086	2.039.870.594	2.037.217.572
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		389.527.333	9.474.748.422	742.361.970	27.004.842.176
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		6	100	11	284

B. GIẢI TRÌNH

Theo thông tin công bố, doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ Quý II năm 2017 của Công ty đạt 381 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế Quý II năm 2017 của Công ty lãi 0,39 tỷ đồng, giảm 9 tỷ đồng so với thực hiện cùng kỳ năm 2016 (LNST Quý II năm 2016 là 9,47 tỷ đồng) tương ứng với giảm 96%, chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Sản lượng xi măng tiêu thụ giảm gần 109.000 tấn, tương ứng giảm 13,9% so với quý II/2016.
- Sản lượng xi măng sản xuất giảm hơn 28.000 tấn, tương ứng giảm 7% so với quý II/2016.
- Thuế suất thuế tài nguyên tăng theo Nghị quyết 1084/2015/UBTVQH13 có hiệu lực từ 01/07/2016;
- Giá than bình quân tăng 155.000 đồng/tấn so với quý II/2016;

Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai kính báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội được biết và công bố thông tin theo quy định.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ BCTC: <http://www.ximanghoangmai.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD (để b/c);
- Lưu VT, TCKT.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đậu Thị Nga

